

Số: 04/KL-TTr

Bến Tre, ngày 19 tháng 02 năm 2024

## KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra việc thực hiện quy định về công tác quản lý tài chính; bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và chế độ chính sách đối với viên chức; thực hiện quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đối với Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-TTr ngày 09/01/2024 của Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) Bến Tre về việc thanh tra việc thực hiện quy định về công tác quản lý tài chính; bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và chế độ chính sách đối với viên chức; thực hiện quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (KNTC) và phòng chống tham nhũng (PCTN), tiêu cực đối với Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông (THPT) Nguyễn Thị Minh Khai, từ ngày 17/01/2024 đến ngày 22/01/2024, Đoàn Thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 15/02/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở GD&ĐT kết luận thanh tra như sau:

### I. Khái quát chung

Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai thành lập theo Quyết định số 1732/2002/QĐ-UBND ngày 03/5/2002 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bến Tre. Tổng diện tích 19.137m<sup>2</sup>; 17 phòng học kiên cố; 02 phòng thực hành Tin học với 46 máy kết nối mạng Internet; 01 phòng thực hành Vật lý, 01 phòng thực hành Hóa học và 01 phòng thực hành Sinh học; 01 phòng thiết bị và 02 phòng kho để đồ dùng dạy học; có đầy đủ các phòng học bộ môn đảm bảo thực hiện dạy học theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018; đủ phòng chức năng cho lãnh đạo trường, văn phòng và các bộ phận khác.

Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai được cấp chứng nhận Trường THPT Đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 theo Quyết định số 55/QĐ-SGD&ĐT ngày 27/01/2022 của Giám đốc Sở GD&ĐT tỉnh Bến Tre và Trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 theo Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 21/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

Năm học 2023-2024, Trường có 17 lớp với tổng số 717 học sinh (396 nữ). Trong đó: 06 lớp 10 (267 học sinh); 06 lớp 11 (236 học sinh); 05 lớp 12 (214 học sinh).

### II. Kết quả kiểm tra, xác minh

#### 1. Thực hiện quy định về quản lý tài chính

##### 1.1. Cơ chế tài chính

Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính trực thuộc Sở GD&ĐT thời gian 03 năm (từ năm 2020 đến năm 2022), là đơn vị tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên theo Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của UBND tỉnh Bến Tre. Đến năm 2023 trường

được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính thời gian 05 năm (từ năm 2023 đến năm 2028) là đơn vị sự nghiệp do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Quyết định số 379/QĐ-SGD&ĐT ngày 30/6/2023 của Sở GD&ĐT tỉnh Bến Tre).

### **1.2. Lập, chấp hành dự toán và quyết toán**

#### **a) Lập dự toán:**

Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai lập dự toán thu, chi các nguồn kinh phí năm 2022, 2023. Đơn vị xây dựng phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tài chính.

#### **b) Chấp hành dự toán:**

Năm 2022, Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai được Sở GD&ĐT giao dự toán tại Quyết định số 38/QĐ-SGD&ĐT ngày 20/01/2022 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước (NSNN) năm 2022, Quyết định số 549/QĐ-SGD&ĐT ngày 08/9/2022, Quyết định số 782/QĐ-SGD&ĐT ngày 15/11/2022 về việc cấp bổ sung dự toán chi NSNN năm 2021 và Quyết định số 813/QĐ-SGD&ĐT ngày 15/11/2022 về việc điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2022.

Năm 2023, Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai được Sở GD&ĐT giao dự toán tại Quyết định số 38/QĐ-SGD&ĐT ngày 06/01/2023 về việc giao dự toán chi NSNN năm 2023, Quyết định số 818/QĐ-SGD&ĐT ngày 10/11/2023, Quyết định số 844/QĐ-SGD&ĐT ngày 14/11/2023 về việc điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2023, Quyết định số 874/QĐ-SGD&ĐT về việc điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2023 và Quyết định số 924/QĐ-SGD&ĐT ngày 28/11/2023 về việc cấp bổ sung dự toán chi NSNN năm 2023.

#### **c) Quyết toán:**

- Định kỳ hàng quý và cuối năm, Trường lập báo cáo quyết toán gửi Sở GD&ĐT thẩm định.

- Đến thời điểm thanh tra, Sở GD&ĐT đã thẩm định quyết toán năm 2022. Năm 2023, Trường đang lập hồ sơ trình Sở GD&ĐT thẩm định quyết toán.

- Kết quả quản lý, sử dụng nguồn kinh phí NSNN năm 2022, 2023 (*Đính kèm Phụ lục số 01*).

### **1.3. Việc chấp hành Luật Kế toán**

Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai thực hiện chế độ kế toán theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

Hình thức kế toán: đơn vị sử dụng hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.

Đơn vị in sổ kế toán tổng hợp và một số sổ chi tiết theo Thông tư số 107/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Đơn vị hạch toán các tài khoản theo Thông tư số 107/TT-BTC của Bộ Tài chính.

### **1.4. Việc xây dựng các Quy chế quản lý và thực hiện công khai tài chính**

Hiệu trưởng có tổ chức xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm, có xây dựng Quy chế công khai tài chính tại Quyết định số 88/QĐ-THPTNTMK ngày 10/10/2023 về việc Ban hành Quy chế công khai trong nhà trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai

theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và công khai các khoản thu, chi hợp pháp theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Tuy nhiên, trong kỳ kiểm tra Hiệu trưởng chưa đưa vào Quy chế chi tiêu nội bộ quy định việc trích lập nguồn cải cách tiền lương; chưa xây dựng Quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán theo Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí NSNN mà chỉ xây dựng Kế hoạch kiểm tra nội bộ, trong đó có đưa nội dung kiểm tra tài chính (Kế hoạch 191/KH-THPTNTMK ngày 20/9/2022 về việc thực hiện công tác kiểm tra nội bộ năm học 2022-2023, Kế hoạch số 129/KH-THPT NTMK ngày 27/9/2023 về việc kiểm tra nội bộ năm học 2023-2024) để tổ chức thực hiện.

### **1.5. Kết quả hoạt động của các nguồn thu**

Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ gồm các nguồn thu từ học phí, tiền dạy thêm trong nhà trường, dạy tăng tiết, cho thuê mặt bằng căn tin, giữ xe, thu khác:

- Thu học phí: Thực hiện theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 14/10/2021 của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Bến Tre về việc quy định mức thu học phí năm học 2021-2022 đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Công văn số 24/SGD&ĐT-KHTC ngày 04/01/2023 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn tạm thu học phí năm học 2022-2023; Công văn số 2545/SGD&ĐT-KHTC ngày 06/10/2023 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn thu học phí năm học 2023-2024 trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh. Thực hiện thu học phí không dùng tiền mặt đạt 100% (Đính kèm Phụ lục số 02).

- Thu dạy thêm, học thêm, tăng tiết môn Tiếng Anh lớp 10 năm học 2022-2023 (Đính kèm Phụ lục 3a):

+ Dạy thêm, học thêm trong nhà trường: Đơn vị xây dựng Kế hoạch dạy thêm, học thêm trong nhà trường, mức thu thỏa thuận với CMHS. Nguồn thu sau khi trừ thuế thu nhập doanh nghiệp 2%, thực hiện chi trả 80% cho giáo viên dạy thêm, 10% chi quản lý và 10% hỗ trợ cơ sở vật chất.

+ Dạy tăng tiết môn Tiếng Anh lớp 10 năm học 2022-2023: Thực hiện mức thu 2.000 đồng/tiết theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Bến Tre Quy định khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu chi các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

- Thu cho thuê mặt bằng căn tin: Nhà trường xây dựng đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê theo Mẫu số 02/TSC-ĐA ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và được UBND tỉnh Bến Tre phê duyệt tại Công văn số 591/UBND-TCĐT ngày 13/02/2020 về việc phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê. Đơn vị tổ chức đấu giá công khai, thông báo rộng rãi để lựa chọn các cá nhân có kinh nghiệm và thực hiện ký kết hợp đồng với giá trúng thầu trong thời hạn 05 năm với số tiền 12.200.000 đồng/năm học (08 tháng/năm

học). Do ảnh hưởng dịch Covid-19, bên thuê có Đơn xin miễn giảm tiền thuê và nhà trường họp xét đồng ý giảm 50% tiền thuê căn tin tháng 02/2022, miễn thu do nghỉ dịch tháng 01, 03/2022. Tuy nhiên, đơn vị chưa nộp tiền thuê đất phần diện tích đất cho thuê để kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Đơn vị đã làm hồ sơ gửi các cơ quan chức năng nhưng chưa được giải quyết thủ tục đóng thuế (*Đính kèm Phụ lục 3b*).

- Thu giữ xe: Đơn vị tự tổ chức thực hiện giữ xe trong nhà trường, thu tiền giữ xe của học sinh và chi trả tiền công giữ xe, mỗi năm học đơn vị ký hợp đồng giữ xe (năm học 2022-2023 theo Hợp đồng số 197/HĐ-THPT NTMK ngày 27/9/2022 trả công 4.000.000 đồng/tháng; năm học 2023-2024 theo Hợp đồng số 156/HĐ-THPT NTMK trả công 4.500.000 đồng/tháng) (*Đính kèm Phụ lục 3c*).

- Ngoài ra, đơn vị còn có một số khoản thu khác như: Hoa hồng bảo hiểm, nguyện vọng dịch vụ tuyển sinh, kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu... thực hiện ghi thu, ghi chi vào hệ thống sổ sách kế toán theo quy định (*Đính kèm Phụ lục 3d, 3e, 3f*).

- Đơn vị xây dựng kế hoạch giáo dục hàng năm, thực hiện chủ trương thu các nguồn thu dịch vụ, thu khác bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. Tuy nhiên, năm 2022, 2023 đơn vị vẫn chưa thực hiện được nội dung này.

#### ***1.6. Thực hiện quy định của pháp luật trong vận động, tài trợ; quản lý và sử dụng kinh phí đóng góp của CMHS***

- Các nguồn vận động, tài trợ từ các tổ chức, cá nhân: Đơn vị không tổ chức vận động mà tiếp nhận từ các mạnh thường quân để hỗ trợ một số hoạt động của nhà trường, phát học bổng, hỗ trợ cho học sinh nghèo. Nhà trường tiếp nhận và cấp phát trực tiếp cho học sinh các hiện vật như: học bổng, tập vở. Quy đổi thành tiền năm học 2022-2023: 269.600.000 đồng; học kỳ 1 năm học 2023-2024: 298.000.000 đồng.

- Kinh phí hoạt động của Ban Đại diện CMHS: Ban Đại diện CMHS xây dựng kế hoạch vận động quỹ đóng góp từ CMHS trên tinh thần tự nguyện. Kinh phí vận động được thực hiện chi hỗ trợ các hoạt động giáo dục học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT Ban hành điều lệ Ban đại diện CMHS. Ban đại diện CMHS mở sổ thu chi, sử dụng phiếu thu, phiếu chi, chứng từ thanh toán theo quy định tài chính. Tuy nhiên, Kế hoạch vận động CMHS chưa nêu nội dung dự toán cần chi hỗ trợ các hoạt động giáo dục học sinh, các phiếu thu, phiếu chi không có số thứ tự, chứng từ chi chưa đầy đủ (thiếu danh sách nhận tiền, hóa đơn mua hàng...).

+ Năm học 2022-2023: tồn năm trước chuyển sang 10.172.000 đồng, thu 25.356.000 đồng, chi 24.580.000 đồng, tồn chuyển năm sau: 10.948.000 đồng.

+ Năm học 2023-2024: tồn năm trước chuyển sang 10.948.000 đồng, thu 28.910.000 đồng, chi 30.199.000 đồng, tồn đến thời điểm thanh tra 9.659.000 đồng.

## **2. Bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và chế độ chính sách đối với viên chức**

### ***2.1. Bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng***

- Tình hình đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV), nhân viên (NV): CBQL, GV, NV hiện có 46 người (có 02 CBQL, 40 GV (có 01 GV phụ trách thiết bị),

04 NV); tỉ lệ giáo viên trên lớp: 2,29 GV/lớp. Ngoài ra, nhà trường hợp đồng 03 vị trí việc làm (02 bảo vệ và 01 tạp vụ); số lượng GV từng môn<sup>1</sup>.

- Chất lượng đội ngũ:

+ CBQL: 02 (Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng), CBQL đạt chuẩn về trình độ Trung cấp chính trị, bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương và bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng - An ninh đối tượng 3.

+ GV: đạt chuẩn quy định 100%; trên chuẩn 6/40 (tỉ lệ: 15%); 04/04 GV Tiếng Anh đạt chuẩn theo khung năng lực ngôn ngữ 6 bậc của Việt Nam; Trung cấp Lý luận chính trị - Hành chính: 05/40 (12,5%); quản lý giáo dục: 04/40 (10%); bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương: 03/40 (7,5%).

+ NV: đạt chuẩn trở lên 100%.

- Thành lập các tổ chuyên môn, văn phòng: Đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng ban hành Quyết định thành lập 06 tổ chuyên môn và tổ Văn phòng theo quy định tại Thông tư số 32 /2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và tình hình đội ngũ GV, NV của nhà trường<sup>2</sup>.

- Phân công nhiệm vụ, giảng dạy, kiêm nhiệm:

+ Phân công nhiệm vụ trong lãnh đạo trường: Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong tập thể lãnh đạo nhà trường, đảm bảo thực hiện tốt việc lãnh đạo, điều hành của đơn vị<sup>3</sup>.

+ Phân công nhiệm vụ đối với GV, NV: Hiệu trưởng phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn của GV trong nhà trường; phân công kiêm nhiệm phù hợp với năng lực của GV và thực hiện chế độ giảm giờ dạy; phân công, sắp xếp thời khóa biểu hợp lý, đảm bảo số giờ của GV giữa các tổ chuyên môn<sup>4</sup>.

- Đào tạo, bồi dưỡng:

Hàng năm, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho CBQL (*đương chức và quy hoạch*), GV về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, Quốc phòng - An ninh, Tin học, ngoại ngữ và tổ chức triển khai thực hiện<sup>5</sup>.

## 2.2. Thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức

<sup>1</sup> Ngữ văn: 04; Lịch sử: 02; Địa lí: 02; Giáo dục công dân: 02; Tiếng Anh: 04; Thể dục: 04, Quốc phòng - An ninh: 01; Toán: 06; Vật lý: 05 (01 GV phụ trách Thiết bị); Hóa: 03; Sinh: 03; Công nghệ: 02; Tin học: 02.

<sup>2</sup> Quyết định số 29/QĐ-THPTNTMK ngày 22/8/2023 về thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng; Quyết định số 32-44/QĐ-THPTNTMK ngày 22/8/2023 về phân công tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.

<sup>3</sup> Quyết định số 70/QĐ-THPTNTMK ngày 30/8/2023 về phân công nhiệm vụ trong tập thể lãnh đạo nhà trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai.

<sup>4</sup> Quyết định số 69/QĐ-THPTNTMK ngày 30/8/2023 về phân công công nhiệm vụ đối với GV, NV năm học 2023-2024.

<sup>5</sup> Kế hoạch số 107/KH-THPTNTMK ngày 06/9/2023 về đào tạo, bồi dưỡng cho CBQL (*đương chức và quy hoạch*), GV về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, Quốc phòng - An ninh, Tin học, ngoại ngữ.



Hiệu trưởng thực hiện việc nâng lương thường xuyên, thâm niên vượt khung, nâng lương trước hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, chế độ bảo hiểm xã hội... cho CBQL, GV, NV trong nhà trường kịp thời, đúng quy định. Thực hiện đúng quy định giảm giờ, chi trả đầy đủ chế độ về phụ cấp ưu đãi, phụ cấp chức vụ, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp thâm niên nhà giáo.

Kết quả: năm 2022 có 12 viên chức được nâng lương thường xuyên và 03 viên chức được nâng lương trước hạn; năm 2023 có 10 viên chức được nâng lương thường xuyên và 04 viên chức được nâng lương trước hạn.

Đối với NV hợp đồng (*bảo vệ, tạp vụ*), Hiệu trưởng thực hiện chi trả chế độ chính sách, đóng bảo hiểm xã hội theo hợp đồng làm việc đã ký với người lao động đúng quy định.

### **3. Thực hiện quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết KNTC**

#### ***3.1. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về tiếp công dân, giải quyết KNTC, kiến nghị, phản ánh cho viên chức tại đơn vị***

Nhà trường triển khai, quán triệt đầy đủ các văn bản pháp luật về tiếp công dân, giải quyết KNTC, kiến nghị, phản ánh cho đội ngũ CBQL, viên chức tại đơn vị trong các cuộc họp hội đồng GV, qua nhóm Zalo<sup>6</sup>.

Hiệu trưởng ban hành quy chế tiếp công dân; kế hoạch thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết KNTC<sup>7</sup>; bố trí phòng tiếp công dân (phòng Công đoàn); niêm yết nội quy tiếp công dân; mở Sổ tiếp công dân theo quy định. Tuy nhiên, nội dung ghi chép của Sổ tiếp công dân còn ghi nhận các vụ việc hành chính như CMHS đến liên hệ xin phép cho học sinh nghỉ học.

#### ***3.2. Giải quyết KNTC, phản ánh, kiến nghị trong kỳ thanh tra***

Trong kỳ thanh tra, nhà trường nhận 01 đơn kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của Hiệu trưởng; nội dung: kiến nghị Hiệu trưởng xem xét lại việc đánh giá, xếp loại viên chức đối với bà Phạm Thị Chiếp ở năm học 2022-2023. Kết quả giải quyết đơn đúng quy trình theo quy định và lưu hồ sơ đầy đủ.

### **4. Thực hiện quy định của pháp luật về PCTN, tiêu cực**

Trong kỳ thanh tra, Hiệu trưởng thực hiện tuyên truyền, quán triệt đầy đủ các văn bản pháp luật liên quan đến công tác PCTN, tiêu cực cho CBQL, GV, NV và học sinh. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch thực hiện công tác PCTN, tiêu cực hàng năm theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT<sup>8</sup>; xây dựng Chương trình tiết kiệm chống lãng phí

<sup>6</sup> Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật tiếp công dân số 42/2013/QH13 ngày 25/11/2013; Nghị định số 64/2014/NĐ-ND-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiếp công dân; Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC; Luật Tố cáo số 25/2018/2014/QH14 ngày 12/6/2018; Thông tư số 04/2021/TT-TTCTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân; Thông tư số 05/2021/TT-TTCTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn thư KNTC, đơn kiến nghị, phản ánh,

<sup>7</sup> Quyết định số 86/QĐ-THPTNTMK ngày 10/10/2023 của Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai về việc ban hành Quy chế tiếp công dân; Kế hoạch số 15/KH-THPTNTMK ngày 17/02/2023 của Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết KNTC năm 2023.

<sup>8</sup> Kế hoạch số 24/KH-THPTNTMK ngày 26/01/2022 Kế hoạch PCTN, tiêu cực năm 2022; Kế hoạch số 08/KH-THPTNTMK ngày 02/02/2023 PCTN, tiêu cực năm 2023; Kế hoạch số 223/KH-

hàng năm<sup>9</sup>. Tổ chức dạy học tích hợp, lồng ghép giáo dục pháp luật về PCTN ở môn Giáo dục công dân lớp 12 và Giáo dục kinh tế- pháp luật lớp 10, 11 theo Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ từ năm học 2013- 2014 đúng chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT.

Hiệu trưởng ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường theo quy định tại Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết về một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở<sup>10</sup>; tổ chức, kiểm điểm đánh giá việc thực hiện quy chế dân chủ trong Hội nghị viên chức đầu năm học.

Nhà trường thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức (nâng lương thường xuyên, nâng thâm niên vượt khung, thâm niên nhà giáo, nâng lương trước hạn đúng quy định hàng năm (xây dựng Quy chế xét nâng bậc lương trước thời hạn do có thành tích xuất sắc<sup>11</sup>). Thực hiện quy định về đánh giá, xếp loại viên chức, bình xét các danh hiệu thi đua đối với viên chức; công khai kết quả đánh giá theo hướng dẫn hàng năm của Sở GD&ĐT (xây dựng Quy chế đánh giá viên chức<sup>12</sup>).

Thực hiện kê khai tài sản thu nhập (đối với đối tượng phải kê khai theo Nghị định số 130/ 2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Trong năm 2022, 2023, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Kế toán, Thủ quỹ không có biến động tài sản trên 300 triệu đồng nên không thuộc diện kê khai tài sản thu nhập. Riêng diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý kê khai hàng năm theo yêu cầu của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng)<sup>13</sup>.

Thực hiện đúng quy định quản lý và cấp phát văn bằng chứng chỉ; cập nhật vào phần mềm quản lý văn bằng chứng chỉ theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT. Trường hợp bằng tốt nghiệp bị mất, nhà trường hướng dẫn thực hiện xin cấp bản sao bằng tốt nghiệp bằng hình thức trực tuyến qua cổng dịch vụ công tỉnh Bến Tre (hướng dẫn qua zalo cho các trường hợp ở xa). Bằng tốt nghiệp chưa phát được nhà trường bảo quản vĩnh viễn.

Xét học sinh chuyển trường được thực hiện vào hè năm học trước khi khai giảng, hết học kì I, các trường hợp khác theo quy định và phải được sự đồng ý của Sở

---

THPTNTMK ngày 05/12/2023 Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN, tiêu cực đến năm 2030; Kế hoạch số 08/KH-THPTNTMK ngày 10/01/2024 PCTN, tiêu cực năm 2024 .

<sup>9</sup> Chương trình số 23/CTr-THPTNTMK ngày 26/01/2022 Chương trình thực hành tiết kiệm giai đoạn 2021-2025; Chương trình số 120/CTr-THPTNTMK ngày 21/9/2023 Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023.

<sup>10</sup> Quyết định số 92/QĐ-THPTNTMK ngày 10/10/2023 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai.

<sup>11</sup> Quyết định số 01/QĐ-THPTNTMK ngày 20/01/2023 về việc ban hành Quy chế xét nâng bậc lương trước thời hạn do có thành tích xuất sắc đối với cán bộ, công chức và người lao động; Quyết định số 05/QĐ-THPTNTMK ngày 03/01/2024 về việc ban hành Quy chế xét nâng bậc lương trước thời hạn đối với đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên lập thành tích xuất sắc trong nhiệm vụ.

<sup>12</sup> Quyết định số 123/QĐ-THPTNTMK ngày 01/12/2023 về việc ban hành Quy chế đánh giá viên chức trong nhà trường.

<sup>13</sup> Kế hoạch số 191/KH-THPTNTMK ngày 20/9/2022; Kế hoạch số 229/KH-THPTNTMK ngày 30/10/2022; Kế hoạch số 121/KH-THPTNTMK ngày 21/9/2023; Báo cáo số 228/BC-THPTNTMK ngày 30/10/2022; Báo cáo 60/BC- THPTNTMK ngày 01/6/2023; Báo cáo số 222/BC-THPTNTMK ngày 05/12/2023.

GD&ĐT. Học sinh chuyên trường được nhà trường hỗ trợ bằng hình thức trực tuyến qua cổng dịch vụ công tỉnh Bến Tre thực hiện thuận lợi, nhanh chóng đúng quy định.

Thực hiện kiểm tra nội bộ theo kế hoạch và báo cáo kết quả công tác kiểm tra nội bộ<sup>14</sup>, công khai kết quả kiểm tra vào tổng kết năm học.

Hiệu trưởng ban hành quy chế công khai trong nhà trường; xây dựng kế hoạch thực hiện công khai hàng năm của đơn vị<sup>15</sup>; thực hiện “3 công khai” theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; công khai cho CBQL, GV, NV biết các chủ trương, chính sách của Nhà nước, của ngành, các văn bản chỉ đạo của các cấp; công khai quy chế chi tiêu nội bộ; công khai cam kết chất lượng giáo dục, thông tin chất lượng giáo dục thực tế; công khai thông tin cơ sở vật chất; công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, CBQL và NV; công khai thu, chi tài chính. Hình thức công khai thông qua cuộc họp hội đồng sư phạm, niêm yết trên bảng thông báo, đăng website của nhà trường; báo cáo kết quả công khai hàng năm theo quy định tại Điều 5, Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT; hồ sơ công khai từng năm lưu trữ đầy đủ.

Hiệu trưởng thiết lập hộp thư điện tử [thptnguyenthiminhkhai@bentre.edu.vn](mailto:thptnguyenthiminhkhai@bentre.edu.vn) và đường dây nóng của trường (Điện thoại: 02753849658) theo Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ đề tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh dấu hiệu vi phạm pháp luật về giáo dục một cách kịp thời, hiệu quả.

### **III. Kết luận**

#### **1. Ưu điểm**

- Đơn vị thực hiện chế độ kế toán đúng quy định theo Thông tư số 107/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; chấp hành thu, chi theo dự toán được giao; thực hiện nộp thuế các nguồn thu dịch vụ theo Công văn số 2098/SGD&ĐT-KHTC ngày 22/8/2016 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện kê khai, nộp thuế từ nguồn dịch vụ trong các cơ sở giáo dục.

- Thực hiện tốt kiểm tra nội bộ về công tác tài chính.

- Thực hiện tốt chủ trương thu học phí bằng phương thức không dùng tiền mặt theo chỉ đạo của UBND tỉnh và Sở GD&ĐT.

- Tại thời điểm thanh tra, đơn vị không tổ chức thu các khoản thu ngoài qui định; chưa phát hiện có dấu hiệu tiêu cực trong sử dụng kinh phí, quản lý tài chính tại đơn vị.

- Hiệu trưởng ban hành đầy đủ các Quyết định: thành lập tổ văn phòng, tổ chuyên môn, quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn theo quy định của Điều lệ trường THPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGD&ĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Công văn số 2113/SGD&ĐT-TCCB ngày 15/9/2021 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn thành lập Tổ Văn phòng và các Tổ Chuyên môn trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập kể từ năm học 2021-2022.

<sup>14</sup> Kế hoạch số 129/KH-THPTNTMK ngày 27/9/2023 về kiểm tra nội bộ năm học 2023-2024; Báo cáo số 60/BC- THPTNTMK ngày 01/6/2023.

<sup>15</sup> Quyết định số 88/QĐ-THPTNTMK ngày 10/10/2023 về việc ban hành Quy chế công khai trong nhà trường; Kế hoạch số 229/KH-THPTNTMK ngày 30/10/2022 triển khai thực hiện công khai năm học 2022-2023.



- Đội ngũ viên chức đảm bảo đủ để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trong nhà trường theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT về Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

- Việc phân công, sắp xếp, bố trí giáo viên phù hợp với trình độ chuyên môn được đào tạo và năng lực cá nhân; thực hiện việc giảm giờ đối với các chức danh được quy định tại Văn bản hợp nhất số 03/2017/VBHN-BGDĐT ngày 23/6/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về chế độ làm việc giáo viên phổ thông; Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28/3/2016 của Bộ GD&ĐT Quy định chế độ giảm định mức giờ dạy cho GV, giảng viên làm công tác công đoàn không chuyên trách trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Hiệu trưởng thực hiện đầy đủ việc nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc; phụ cấp ưu đãi, nâng phụ cấp thâm niên nhà giáo, phụ cấp chức vụ, phụ cấp trách nhiệm cho CBQL, GV, NV trong nhà trường.

## **2. Hạn chế**

### **2.1. Thực hiện quy định về quản lý tài chính**

- Đơn vị chưa xây dựng Quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán theo Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí Ngân sách Nhà nước.

- Chưa thực hiện trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định; chưa nộp tiền thuê đất phần diện tích đất cho thuê để kinh doanh, dịch vụ theo đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê; chưa thực hiện chủ trương thu các nguồn thu dịch vụ, thu khác bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Một số chứng từ chi kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS chưa đầy đủ.

### **2.2. Bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và chế độ chính sách đối với viên chức**

- Tỷ lệ GV có trình độ sau đại học còn thấp (*chỉ đạt 15% so với mặt bằng chung của tỉnh là 19,95%*).

- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của đơn vị chỉ tập trung đào tạo cho đội ngũ quy hoạch CBQL và bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ GV trong nhà trường, chưa chú trọng việc đào tạo nâng chuẩn cho đội ngũ GV (*đào tạo sau đại học*) theo Kế hoạch số 1206/KH-UBND ngày 11/3/2021 của UBND tỉnh về Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục của tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2025 (*chỉ tiêu GV THPT có trình độ thạc sĩ trở lên là 24%, hiện tại đơn vị chỉ đạt 15%*).

### **2.3. Thực hiện quy định của pháp luật về tiếp công dân**

Nội dung ghi chép của Sổ tiếp công dân còn ghi nhận các vụ việc hành chính như CMHS đến liên hệ xin phép cho học sinh nghỉ học.

### **2.4. Nguyên nhân của hạn chế**

- Đơn vị chưa nghiên cứu kỹ các văn bản hướng dẫn quản lý tài chính hiện hành.

- Ban Đại diện CMHS chưa nắm quy định về lập chứng từ thu, chi tài chính kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS.

- Từ năm học 2022-2023 trở về trước, số lượng GV của trường thừa so với định mức, đã chuyển công tác đến đơn vị còn thiếu GV (*trong đó có 03 GV có trình độ Thạc sĩ*), đơn vị chưa chủ động bổ sung kế hoạch đào tạo sau đại học trong đội ngũ GV.

#### **IV. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng:** Không có

#### **V. Kiến nghị biện pháp xử lý**

Hiệu trưởng tổ chức rút kinh nghiệm tất cả những ưu điểm, hạn chế được nêu trong Kết luận thanh tra; xây dựng kế hoạch khắc phục các hạn chế được ghi tại **mục 2- phần III** của Kết luận này gửi về Sở GD&ĐT (Thanh tra Sở) chậm nhất 15 ngày và gửi báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra sau 45 ngày kể từ ngày nhận được Kết luận thanh tra. Đồng thời thực hiện các kiến nghị sau:

##### **1. Thực hiện quy định về quản lý tài chính**

- Thực hiện trích nguồn cải cách tiền lương theo đúng quy định.
- Đơn vị liên hệ các cơ quan chức năng, hoàn chỉnh thủ tục nộp thuế phần diện tích đất cho thuê để kinh doanh, dịch vụ theo đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê.
- Tiếp tục triển khai thực hiện thu các khoản thu hợp pháp phát sinh bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.
- Tiếp tục hỗ trợ Ban đại diện CMHS thực hiện vận động và sử dụng kinh phí hoạt động theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT.

##### **2. Bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và chế độ chính sách đối với viên chức**

Căn cứ Kế hoạch số 1206/KH-UBND ngày 11/3/2021 của UBND tỉnh về Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục của tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2025, hàng năm Hiệu trưởng thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trong đội ngũ CBQL, GV, NV phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, đặc biệt chú trọng việc đào tạo nâng chuẩn cho đội ngũ GV (*đào tạo sau đại học*) đạt hiệu quả.

##### **3. Thực hiện quy định của pháp luật về tiếp công dân**

- Mở Sổ tiếp công dân và ghi chép các nội dung theo quy định.
- Niêm yết tại nơi tiếp công dân của trường các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tiếp công dân, KNTC, kiến nghị, phản ánh./.

#### **Nơi nhận:**

- Thanh tra Bộ GD&ĐT
- Thanh tra tỉnh
- Giám đốc
- Phó GD Bùi Minh Nhật (để theo dõi);
- Phòng KHTC (để biết);
- HTr Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai (để thực hiện);
- Lưu: TTr, HSTr, Website Sở GD&ĐT;



## PHỤ LỤC

(Kèm Kết luận số 04/KL-TTr ngày 19/02/2024 của Chánh Thanh tra Sở Giáo dục và đào tạo)

### 1. Phụ lục số 01: Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước (KP NSNN) (đơn vị tính: đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
1	KP NSNN tồn đầu kỳ	<b>235.102.780</b>	<b>471.062</b>
	- KP thực hiện tự chủ	235.102.780	471.062
	+ Tiền mặt	0	0
	+ Kho bạc (9523.2.1041788 )	235.102.780	471.062
	- KP không thực hiện tự chủ	0	0
	+ Tiền mặt	0	0
	+ Kho bạc (9527.2.1041788 )	0	0
2	KP NSNN được cấp bổ sung trong kỳ	<b>6.934.492.000</b>	<b>7.422.936.000</b>
	- KP thực hiện tự chủ	5.942.607.000	6.730.511.000
	- KP không thực hiện tự chủ	991.885.000	692.425.000
3	KP NSNN thực nhận Kho bạc trong kỳ	<b>7.169.594.780</b>	<b>7.423.407.062</b>
	- KP thực hiện tự chủ	6.177.709.780	6.730.982.062
	- KP không thực hiện tự chủ	991.885.000	692.425.000
4	KP NSNN đã chi trong kỳ	<b>7.135.598.718</b>	<b>6.648.372.024</b>
	- KP thực hiện tự chủ	6.177.238.718	6.601.152.024
	- KP không thực hiện tự chủ	958.360.000	47.220.000
5	KP nộp giảm HMKP, Hủy trong kỳ	0	0
	- KP thực hiện tự chủ	0	0
	- KP không thực hiện tự chủ	0	0
6	KP NSNN còn tồn cuối kỳ	<b>33.996.062</b>	<b>775.035.038</b>
	- KP thực hiện tự chủ	471.062	129.830.038
	+ Tiền mặt	0	0
	+ Kho bạc (9523.2.1081099 )	471.062	129.830.038
	- KP không thực hiện tự chủ	33.525.000	645.205.000
	+ Tiền mặt	0	0
	+ Kho bạc (9527.2.1081099 )	33.525.000	645.205.000



**2. Phụ lục số 02: Nguồn kinh phí học phí học sinh**

(đơn vị tính: đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
1	Kinh phí (KP) học phí học sinh tồn đầu kỳ	47.647.096	2.163.441
2	KP học phí học sinh đã thu trong kỳ	193.043.383	533.100.000
3	KP học phí học sinh được sử dụng kỳ	240.690.479	535.263.441
4	KP học phí học sinh đã chi trong kỳ	238.527.038	510.460.398
5	KP học phí học sinh tồn cuối kỳ	2.163.441	24.803.043

**3. Phụ lục số 03: Nguồn kinh phí kinh doanh dịch vụ**

(đơn vị tính: đồng)

**3a- Nguồn kinh phí dịch vụ dạy thêm- học thêm; tăng tiết (DTHT-TT)**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
1	Kinh phí (KP) dịch vụ DT-HT tồn đầu kỳ	0	0
	+ Kinh phí dạy thêm-học thêm	0	0
	+ Kinh phí dạy tăng tiết	0	0
2	KP dịch vụ DT-HT thu trong kỳ	320.625.000	445.951.000
	+ Kinh phí dạy thêm-học thêm	320.625.000	433.733.000
	+ Kinh phí dạy tăng tiết	0	12.218.000
3	KP dịch vụ DT-HT được sử dụng trong kỳ	320.625.000	445.951.000
	+ Kinh phí dạy thêm-học thêm	320.625.000	433.733.000
	+ Kinh phí dạy tăng tiết		12.218.000
4	KP dịch vụ DT-HT chi đến cuối kỳ	320.625.000	445.951.000
	+ Kinh phí dạy thêm-học thêm	320.625.000	433.733.000
	+ Kinh phí dạy tăng tiết	0	12.218.000
5	KP dịch vụ DT-HT tồn cuối kỳ	0	0
	+ Kinh phí dạy thêm-học thêm	0	0
	+ Kinh phí dạy tăng tiết	0	0

**3b- Nguồn kinh phí dịch vụ cho thuê mặt bằng căn tin (MBCT)**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
1	KPDV cho thuê MBCT tồn đầu kỳ	0	0
2	KPDV cho thuê MBCT thu trong kỳ	54.900.000	97.600.000
3	KPDV cho thuê MBCT đã chi đến cuối kỳ	54.900.000	97.600.000
4	KPDV cho thuê MBCT tồn đến cuối kỳ	0	0

**3c- Nguồn kinh phí dịch vụ giữ xe**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
1	KPDV giữ xe tồn đầu kỳ	0	0
2	KPDV giữ xe thu trong kỳ	72.200.000	112.047.500
3	KPDV giữ xe đã chi đến cuối kỳ	72.200.000	112.047.500
4	KPDV giữ xe tồn đến cuối kỳ	0	0

**3d- Nguồn khác (Lãi tiền gửi ngân hàng, hoa hồng bảo hiểm, thu làm hồ sơ tuyển sinh...)**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
1	Kinh phí thu khác tồn đầu kỳ	0	0
2	Kinh phí thu khác thu trong kỳ	24.931.102	29.467.522
3	Kinh phí thu khác chi trong kỳ	24.931.102	13.350.797
4	Kinh phí thu khác tồn cuối kỳ	0	16.116.725

**3e- Nguồn kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu (CSSKBD)**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
1	Kinh phí (KP) CSSK ban đầu tồn đầu kỳ	5.198.794	43.565.409
2	KP CSSK ban đầu thu trong kỳ	49.091.615	1.832.465
3	KP CSSK ban đầu đã chi trong kỳ	10.725.000	13.852.680
4	KP CSSK ban đầu tồn cuối kỳ	43.565.409	31.545.194

**3f- Nguồn kinh phí thu hộ- chi hộ** (đơn vị tính: đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
1	Kinh phí thu hộ- chi hộ tồn đầu kỳ	29.300.000	32.862.710
2	Kinh phí thu hộ- chi hộ thu trong kỳ	133.194.710	164.270.000
3	Kinh phí thu hộ- chi hộ đã chi trong kỳ	129.632.000	194.528.710
4	Kinh phí thu hộ- chi hộ tồn đến cuối kỳ	32.826.710	2.604.000

